

Ngày <b>31/03/2024</b>	<b>32,350 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>2.7%</b>	<b>14.3%</b>	<b>25.4%</b>

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	20,300 - 32,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,983
Số lượng CPLH (CP)	555,880,006
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,381,435
Sở hữu nước ngoài	23.3%
Beta	1.36
EPS	1,200
P/E	27.0

**DT thuần**  
Q1/24

**1,756**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 0.5%  
YoY: ▲ 529 | 43.1%

**LN trước thuế**  
Q1/24

**215**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 5.00 | -2.4%  
YoY: ▲ 152 | 241%

**LN sau thuế**  
Q1/24

**149**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 45.0 | -23.5%  
YoY: ▲ 96.7 | 184%

**ROA**  
2023

**2.8%**

+/- YoY: ▲ 3.3%

**DT thuần**  
2023

**5,804**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 372 | 6.9%

**LN trước thuế**  
2023

**658**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 797 | 575%

**LN sau thuế**  
2023

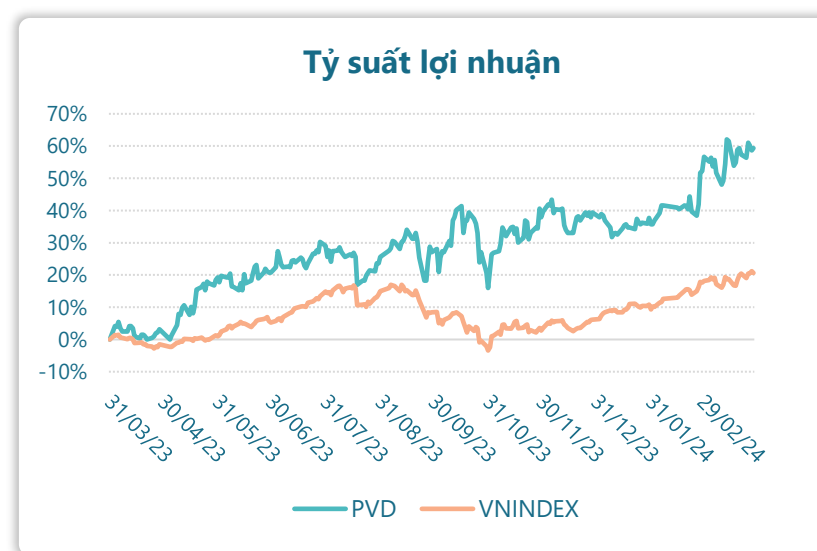
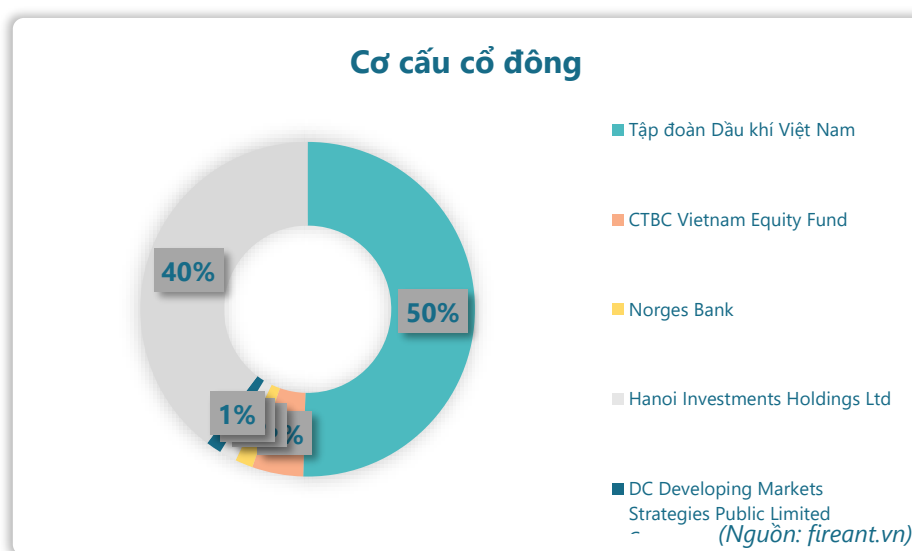
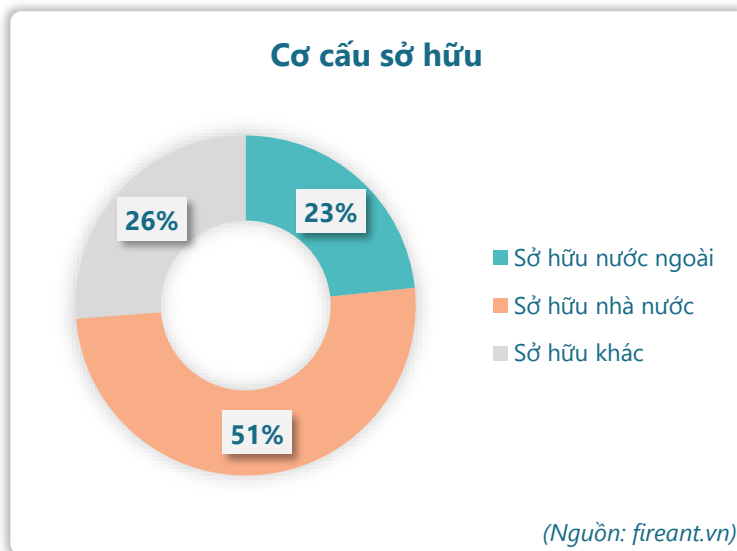
**546**  
tỷ VNĐ

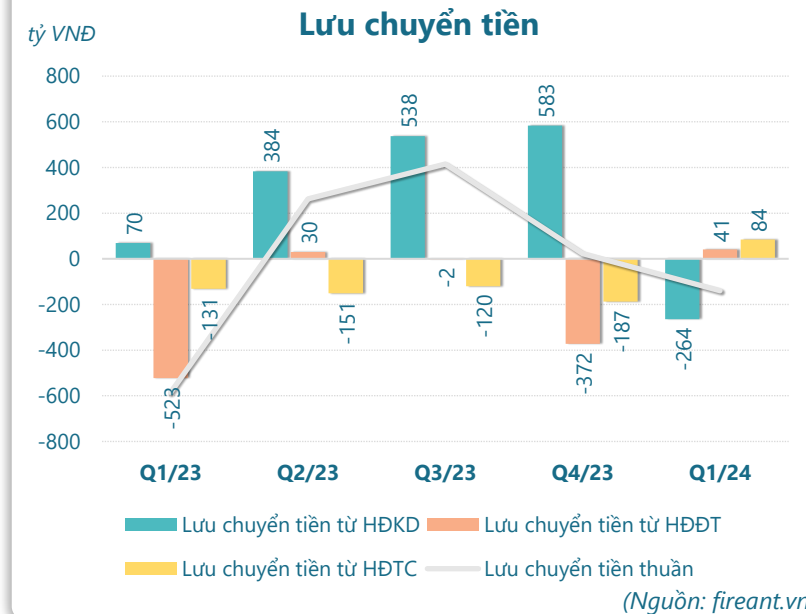
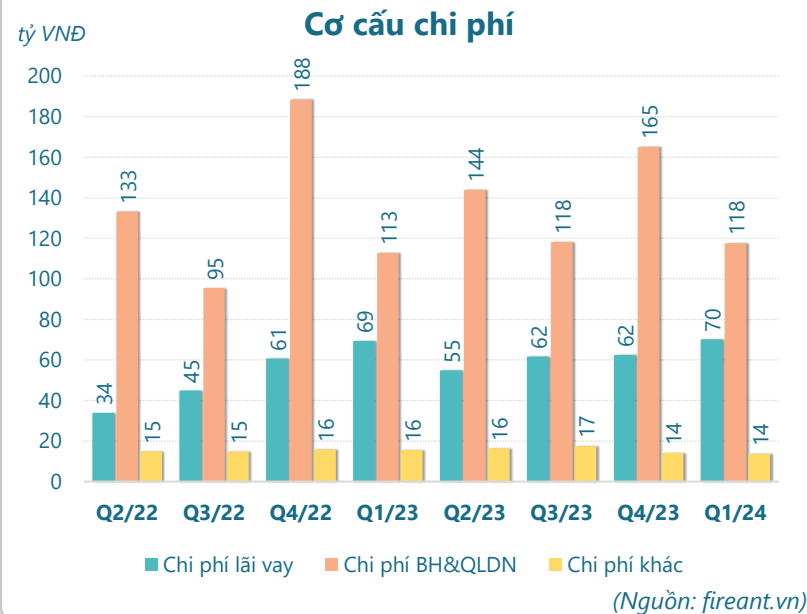
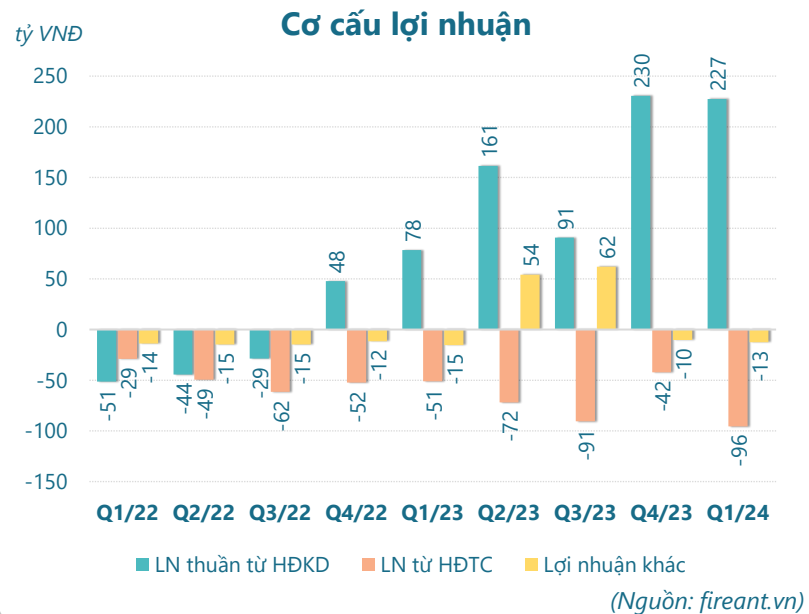
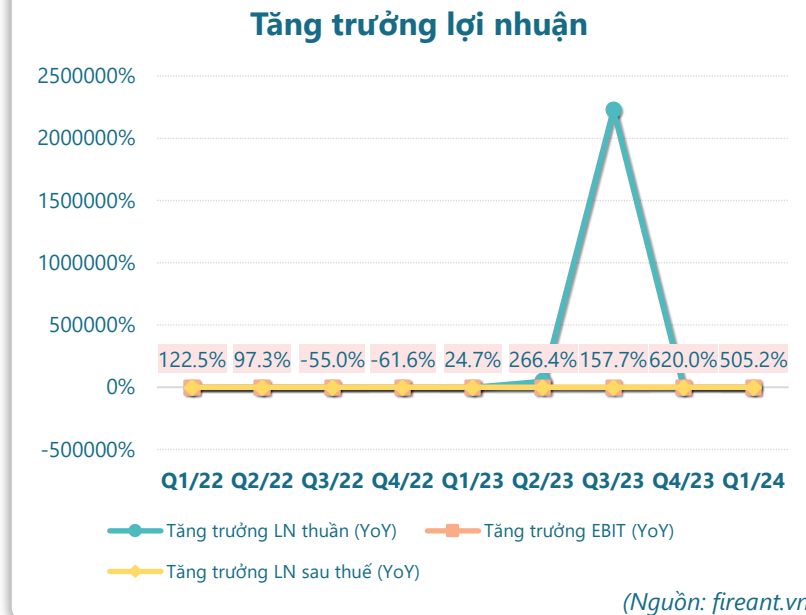
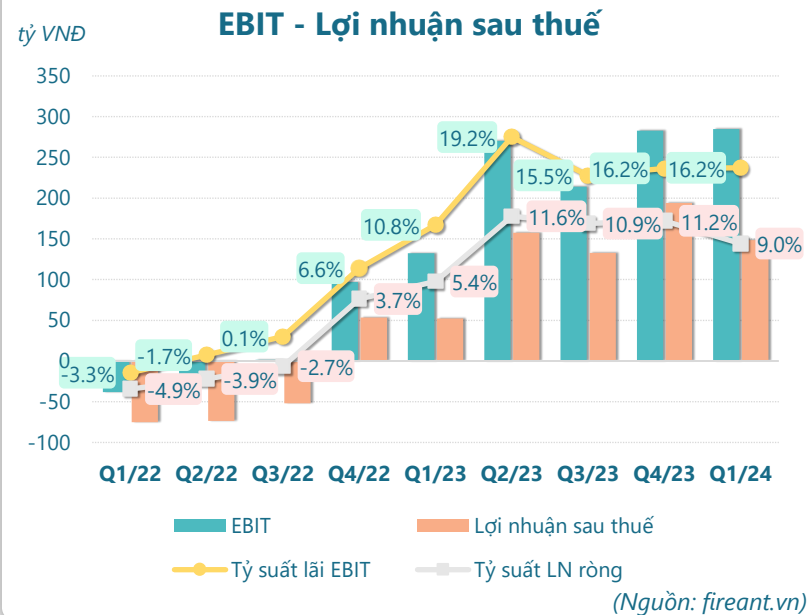
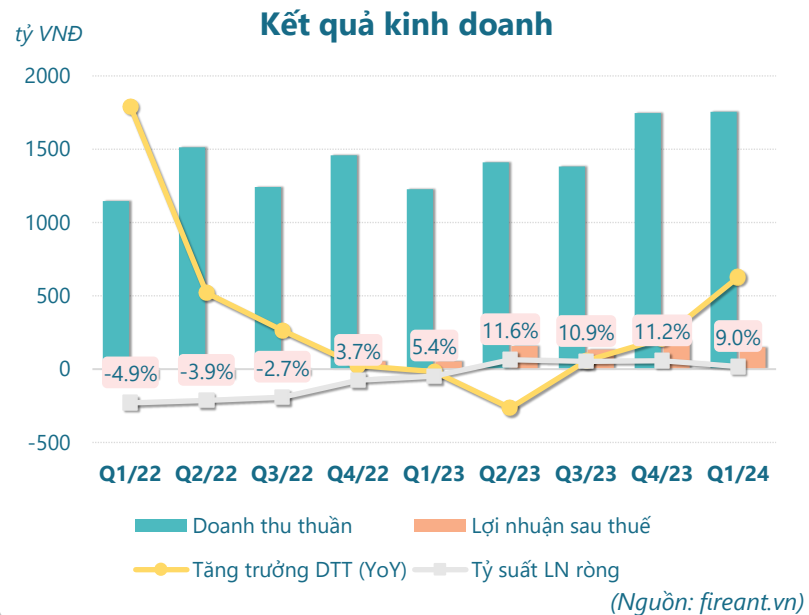
YoY: ▲ 701 | 453%

**ROE**  
2023

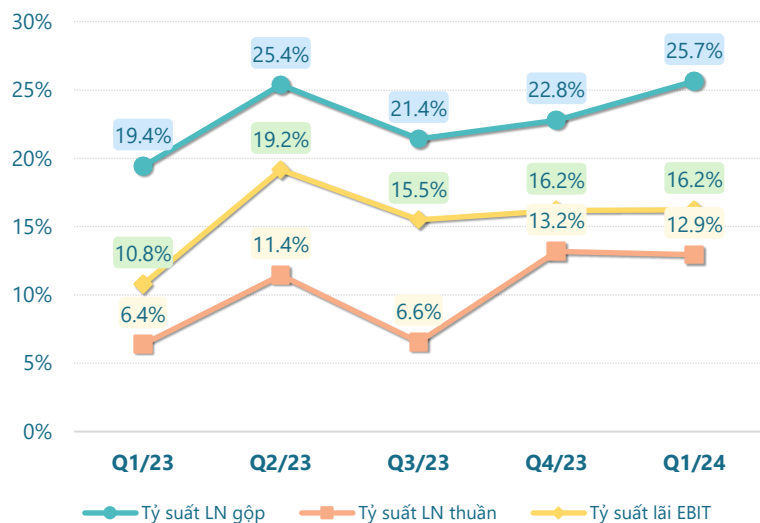
**4.0%**

+/- YoY: ▲ 4.8%



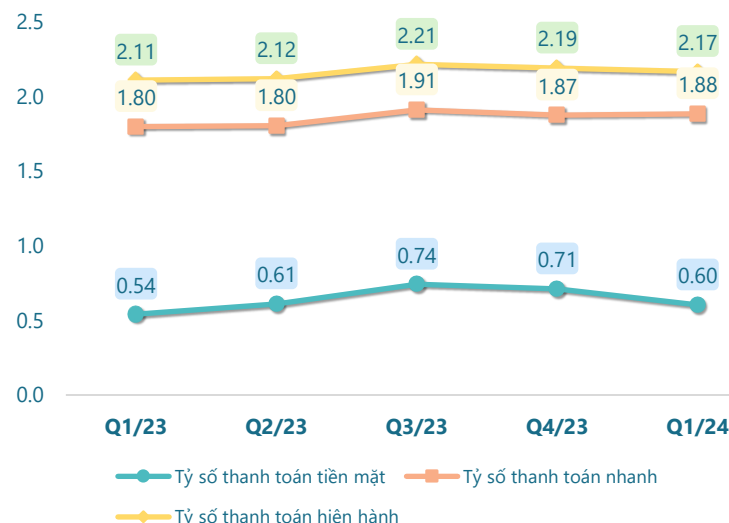


## Tỷ suất lợi nhuận



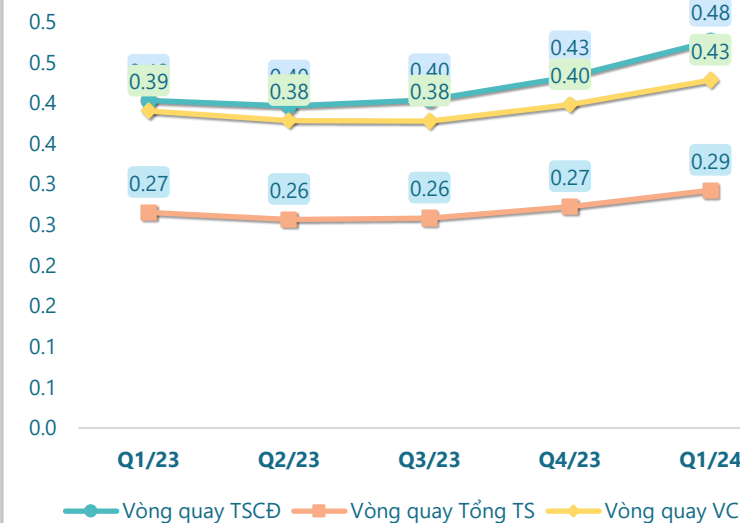
(Nguồn: fireant.vn)

## Chỉ số thanh khoản



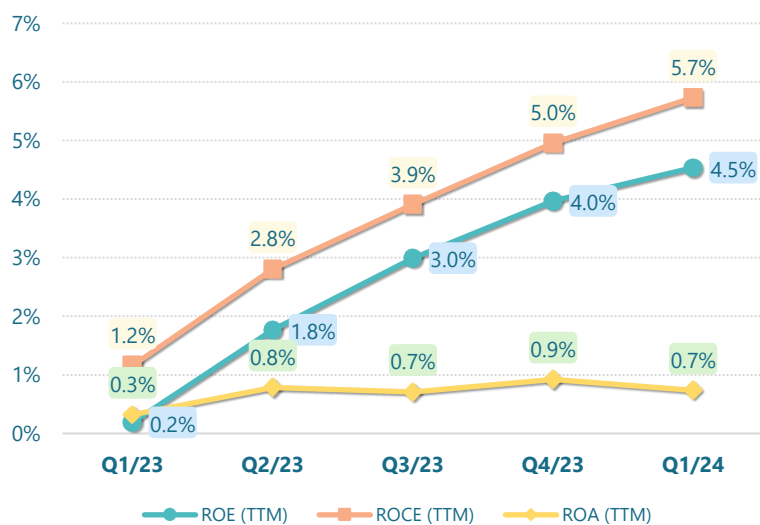
(Nguồn: fireant.vn)

## Vòng quay tài sản



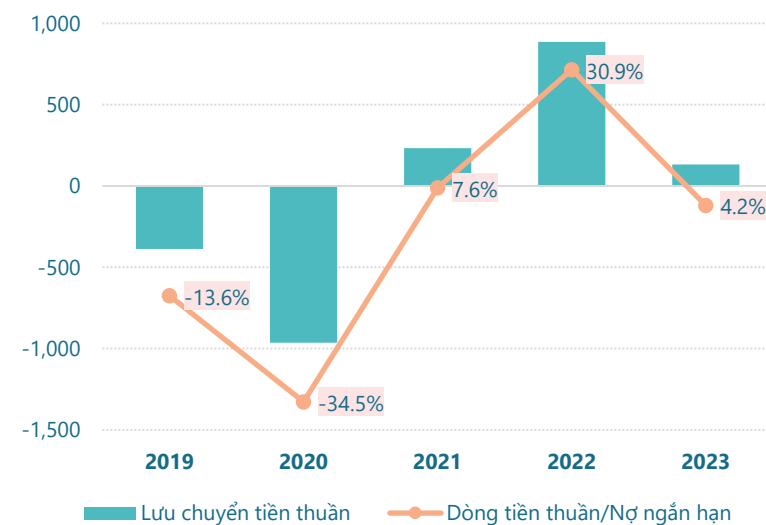
(Nguồn: fireant.vn)

## Tỷ suất sinh lợi



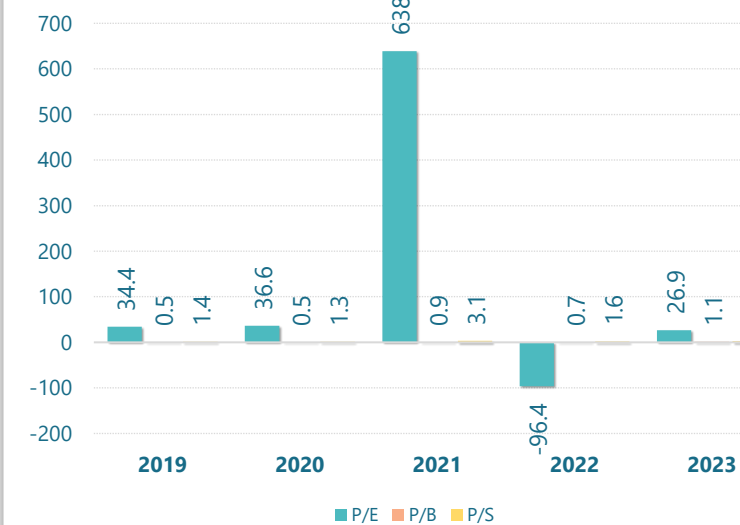
(Nguồn: fireant.vn)

## Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

## Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)